

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
1	CSM2025	Cột Vách Sàn Ø10-Ø14	20 25	≤3 KN M650			1,000
2	CSM2025001	Cột Vách Sàn Ø10-Ø14	20 25	≤4 KN M650			1,000
3	CSM2530001	Cột Vách Sàn Ø10-Ø14	25 30	≤5 KN M650			800
4	CSM202530	Cột Vách Sàn Ø10-Ø14	20 25 30	≤3 KN M650			600
5	CSM303540	Cột Vách Sàn Ø10-Ø18	30 35 40	≤5 KN M650			350
6	CSM35404550	Cột Vách Dầm Sàn Móng Ø10-Ø32	35 40 45 50	≥07 KN ..... ≤12 KN M650			300
7	CSM455560	Cột Vách Dầm Sàn Móng Ø10-Ø32	45 55 60	≥10 KN ..... ≤12 KN M650			150

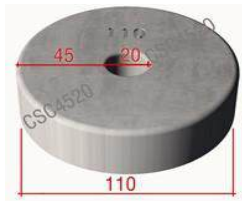

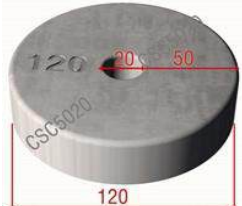

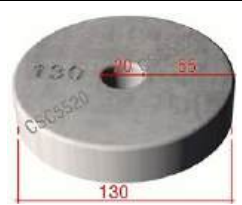

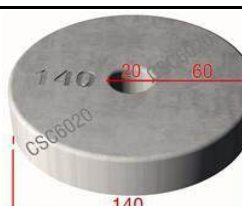

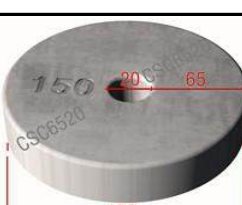





## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
8	CSM55607080	Cột Vách Dầm Sàn Móng Ø10-Ø32	55 60 70 80	$\geq 10$ KN ..... $\leq 22$ KN M650			100
9	CSC1610	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø10	16	M650			400
10	CSC1714	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø14	17	M650			400
11	CSC2012	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø12	20	M650			400
12	CSC2012	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø12	20	M650			400
13	CSC2113	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø13	21	M650			400
14	CSC2512	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø12	25	M650			200

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN









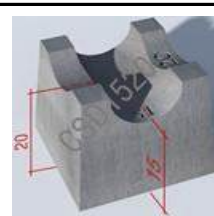



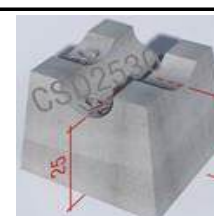

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
15	CSC2512	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø12	25	M650			200
16	CSC2515	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø15	25	M650			200
17	CSC2716	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø16	27	M650			150
18	CSC3015	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø15	30	M650			150
19	CSC3020	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	30	M650			100
20	CSC3520	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	35	M650			100
21	CSC4020	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	40	M650			80

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
22	CSC4520	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	45	M650			60
23	CSC5020	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	50	M650			40
24	CSC5520	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	55	M650			40
25	CSC6020	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	60	M650			30
26	CSC6520	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø20	65	M650			30
27	CSC9530	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø30	95	M650			10
28	CSS050U	Sàn Dầm Móng Ø10-Ø32	50	≤22 KN M650			200

















## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
29	CSS070U	Sàn Dầm Móng Ø10-Ø32	70	≤19 KN M650			150
30	CSS090U	Sàn Dầm Móng Ø10-Ø32	90	≤15 KN M650			100
31	CSS110U	Sàn Dầm Móng Ø10-Ø32	110	≤26 KN M650			80
32	CSD2380D	Sàn Dầm Móng Ø10-Ø32	23 80	≤5 KN M650			100
33	CSD1520	Sàn Ø08-Ø12	15 20	≥5 KN ..... ≤7 KN M650			1,000
34	CSD2025	Sàn Ø08-Ø16	20 25	≥6 KN ..... ≤8 KN M650			800
35	CSD2530	Sàn Ø10-Ø18	25 30	≥10 KN ..... ≤15 KN M650			350

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
36	<b>CSD3540</b>	Sàn Ø10-Ø22	35 40	$\geq 13$ KN ..... $\leq 16$ KN M650			300
37	<b>CSD4550</b>	Sàn Ø10-Ø32	45 50	$\geq 15$ KN ..... $\leq 24$ KN M650			200
38	<b>CSS025F2</b>	Cột Vách Sàn Dầm Ø8-Ø18	25	$\leq 3$ KN M650			1,000
39	<b>CSS030F2</b>	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø18	30	$\leq 4$ KN M650			1,000
40	<b>CSS030F</b>	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø18	30	$\leq 10$ KN M650			500
41	<b>CSS035F</b>	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø18	35	$\leq 4$ KN M650			700
42	<b>CSS040F2</b>	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	40	$\leq 4$ KN M650			400

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

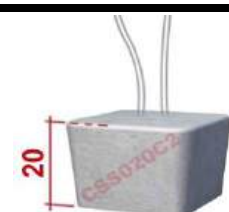

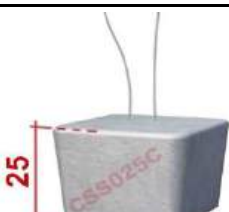



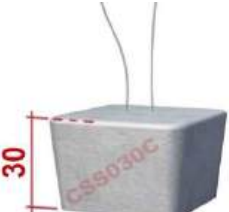

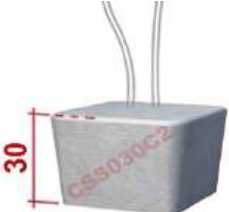

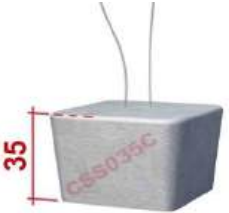

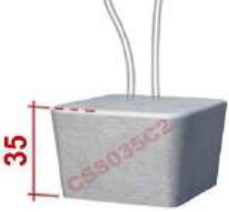

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
43	CSS040F	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	40	≤8 KN M650			300
44	CSS050F	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	50	≤10 KN M650			250
45	CSS050R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	50	≤7 KN M650			300
46	CSS055R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	55	≤9 KN M650			250
47	CSS060R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	60	≤9 KN M650			200
48	CSS070R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	70	≤9 KN M650			160
49	CSS075R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	75	≤9 KN M650			120

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

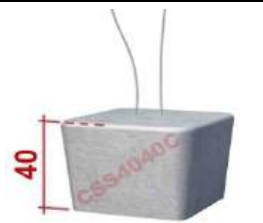

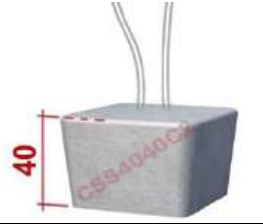

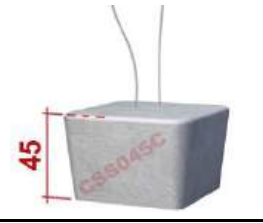



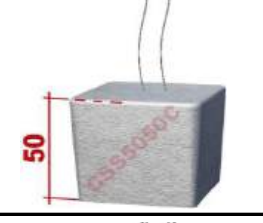

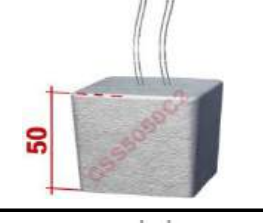



Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
50	CSS075F	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	75	≤9 KN M650			120
51	CSS080R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	80	≤10 KN M650			150
52	CSS100R1	Cột Vách Sàn Dầm Ø10-Ø32	100	≤10 KN M650			100
53	CSM202538	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	20 25 38	≥5 KN ..... ≤10 KN M650			400
54	CSM20253040	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	20 25 30 40	≥5 KN ..... ≤10 KN M650			350
55	CSM30405060	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø32	30 40 50 60	≥5 KN ..... ≤10 KN M650			100
56	CSS020C	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø16	20	≤06 KN M650			700













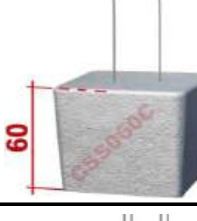



## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
57	CSS020C2	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø16	20	≤06 KN M650			700
58	CSS025C	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø16	25	≤08 KN M650			500
59	CSS025C2	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø16	25	≤08 KN M650			500
60	CSS030C	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	30	≤10 KN M650			200
61	CSS030C2	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	30	≤10 KN M650			200
62	CSS035C	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	35	≤10 KN M650			200
63	CSS035C2	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	35	≤10 KN M650			200





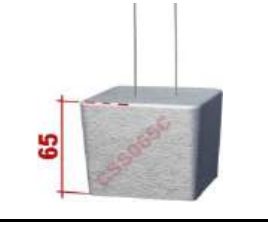

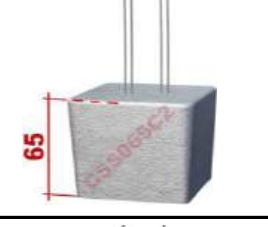







## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
64	CSS4040C	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	40	≤11 KN M650			200
65	CSS4040C2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	40	≤11 KN M650			200
66	CSS045C	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	45	≤11 KN M650			200
67	CSS045C2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	45	≤11 KN M650			200
68	CSS5050C	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	50	≤25 KN M650			100
69	CSS5050C2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	50	≤25 KN M650			100
70	CSS050R	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	50	≤25 KN M650			100

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

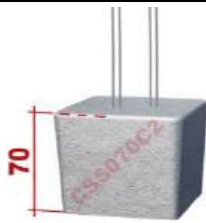





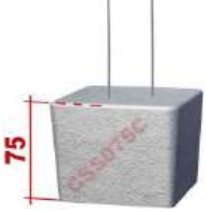







Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
71	CSS050R2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	50	$\leq 25$ KN M650			100
72	CSS055C	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	55	$\leq 25$ KN M650			100
73	CSS055C2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	55	$\leq 25$ KN M650			100
74	CSS055R	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	55	$\leq 25$ KN M650			100
75	CSS55R2	Sàn Cột Dầm Ø10-Ø22	55	$\leq 25$ KN M650			100
76	CSS060C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	60	$\leq 25$ KN M650			100
77	CSS060C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	60	$\leq 25$ KN M650			100

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

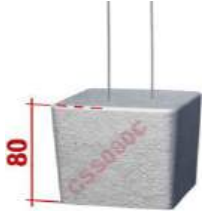

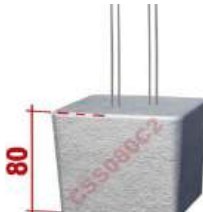











Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
78	CSS060R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	60	$\leq 25$ KN M650			100
79	CSS060R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	60	$\leq 25$ KN M650			100
80	CSS065C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	65	$\leq 25$ KN M650			100
81	CSS065C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	65	$\leq 25$ KN M650			100
82	CSS065R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	65	$\leq 25$ KN M650			100
83	CSS065R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	65	$\leq 25$ KN M650			100
84	CSS070C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	70	$\leq 25$ KN M650			50





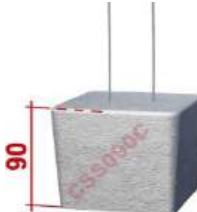

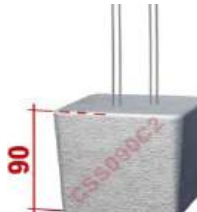







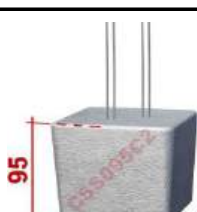

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
85	CSS070C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	70	$\leq 25$ KN M650			50
86	CSS070R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	70	$\leq 25$ KN M650			50
87	CSS070R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	70	$\leq 25$ KN M650			50
88	CSS075C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	75	$\leq 25$ KN M650			50
89	CSS075C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	75	$\leq 25$ KN M650			50
90	CSS075R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	75	$\leq 25$ KN M650			50
91	CSS075R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	75	$\leq 25$ KN M650			50





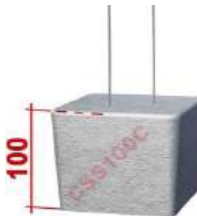

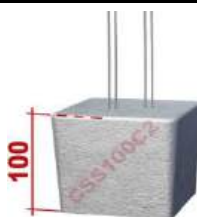







## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
92	CSS080C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	80	$\leq 25$ KN M650			50
93	CSS080C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	80	$\leq 25$ KN M650			50
94	CSS080R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	80	$\leq 25$ KN M650			50
95	CSS080R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	80	$\leq 25$ KN M650			50
96	CSS085C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	85	$\leq 25$ KN M650			50
97	CSS085C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	85	$\leq 25$ KN M650			50
98	CSS085R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	85	$\leq 25$ KN M650			50

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN















Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
99	CSS085R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	85	$\leq 25$ KN M650			50
100	CSS090C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	90	$\leq 25$ KN M650			50
101	CSS090C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	90	$\leq 25$ KN M650			50
102	CSS090R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	90	$\leq 25$ KN M650			50
103	CSS090R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	90	$\leq 25$ KN M650			50
104	CSS095C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	95	$\leq 25$ KN M650			50
105	CSS095C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	95	$\leq 25$ KN M650			50

## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
106	CSS095R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	95	$\leq 25$ KN M650			50
107	CSS095R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	95	$\leq 25$ KN M650			50
108	CSS100C	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	100	$\leq 25$ KN M650			50
109	CSS100C2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	100	$\leq 25$ KN M650			50
110	CSS100R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	100	$\leq 25$ KN M650			50
111	CSS100R2	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	100	$\leq 25$ KN M650			50
112	CSS3040C	Sàn Cột Dầm Ø08-Ø18	30	$\leq 03$ KN M650			500



## GÓI KÊ BÊ TÔNG HAN

Stt	Mã sản phẩm	Sử dụng/ cốt thép	Kích thước (mm)	Tải phá hủy & Mác bê tông	Hình ảnh kỹ thuật	Hình ảnh sản phẩm	Đóng gói (viên/bao)
113	CSS10063R	Sàn Cột Dầm Móng Ø10-Ø32	100	≤25 KN M650			50
114	CSS150B	Vách Dầm	150 25	M650			100
115	CSS200B	Vách Dầm	200 25	M650			100
116	CSS250B	Vách Dầm	250 25	M650			80
117	CSS300B	Vách Dầm	300 25	M650			50
118	CSS350B	Vách Dầm	350 25	M650			40
119	CSS400B	Vách Dầm	400 25	M650			30

### Lưu ý

- Ưu tiên sử dụng phù hợp với kiểu dáng thiết kế và cốt thép để phát huy hiệu quả tốt nhất
- Đóng gói có tiêu chuẩn là dạng bao nhưng có thể đóng gói dạng hộp theo yêu cầu
- Mác bê tông M650 nhưng có thể thiết kế cao hơn theo yêu cầu
- Tải phá hủy chỉ mang tính chất tham khảo dựa trên kinh nghiệm của HAN